

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2022

Về việc yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn TĐ, xã ĐK, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Cao Thị H trình bày:

Chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989. Tuy nhiên, do gia đình bị hỏa hoạn, các giấy tờ đều bị cháy, thời gian cũng đã lâu nên chị không nhớ vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm ăn ít khi về nhà, không quan tâm gì đến vợ con, cũng không gửi tiền về để nuôi con. Sau đó, chị biết được thông tin anh T có quan hệ với

người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến khoảng cuối năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng cũng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng cũng không có đăng ký kết hôn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung, cháu lớn là Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, cháu thứ hai là Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1993; cháu thứ ba là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995, hiện cả ba cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn T không có văn bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2022 chính quyền địa phương xã ĐK cung cấp như sau: Chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989, tuy nhiên, hiện không còn sổ sách lưu trữ về việc đăng ký kết hôn giữa chị H và anh T. Khoảng ba năm trở lại đây, chị H và anh T sống ly thân, trước đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay đi làm ăn xa, không quan tâm vợ con, lơ là gia đình, ngoài ra còn có tin đồn anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra bất hòa. Vợ chồng chị H, anh T có 03 con chung đều đã trưởng thành. Nay chị H xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T. Về con chung, tài sản, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T; Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Thế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1989, chị H khai không nhớ vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không, anh T không có bản khai lưu trong hồ sơ vụ án, hiện tại không còn sổ sách, tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn của chị H và anh T, do vậy không có căn cứ xác định chị H và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận, vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Do đó, yêu cầu của chị H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về việc nuôi con: Các con chung đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị H và anh Nguyễn Văn T.

3. Về việc nuôi con, về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số: 0008611 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐK, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang